**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO**
**TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2017/HC-PT
Ngày 18 tháng 8 năm 2017
*V/v:* "Khởi kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Văn Yên;

*Các Thẩm phán*: Ông Lê Thành Văn;

Ông Phạm Công Mười.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Kim Nhi - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:*** Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng – Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 187/2015/TLPT – HC ngày 16 tháng 12 năm 2015 về việc "Khởi kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai".

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 08/2015/HCST ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 420/2016/QĐPT-DS ngày 29 tháng 7 năm 2016, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Thanh N**,** sinh năm 1949;

Địa chỉ: Số 721/1, ấp NH, xã ĐH, huyện KS, tỉnh Sóc Trăng

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Đặng Hiền S, sinh năm 1960, (có mặt);

* **Người bị kiện:** Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh ST (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 01 đường CVT, phường 2, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện*: Ông Triệu Công D – Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng, (có mặt).

*** Người kháng cáo:** Người khởi kiện: Ông Nguyễn Thanh N.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào tháng 10/2013, vợ chồng ông Nguyễn Thanh N và bà Tôn Thị Đ có

nhận chuyên nhượng của vợ chồng ông Lâm H và bà Lý Thị E phần đất diện tích 237m$^2$ (diện tích theo đo đạc thực tế là 244,60m$^2$), trong đó đất ODT (thổ cư) là 70m$^2$ và đất CLN (đất vườn) là 174,60m$^2$. Giá chuyển nhượng theo hợp đồng ký kết giữa hai bên là 45.000.000 đồng.

Ngày 31/12/2013, Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 659/QĐ-UBND, về việc thu hồi diện tích đất 244,60m$^2$ của gia đình ông Nguyễn Thanh N để xây dựng dự án Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện CT. Cùng ngày 31/12/2013, Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện CT ban hành Quyết định số 1345/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện CT, trong đó hộ ông Nguyễn Thanh N được bồi thường, hỗ trợ là 100.078.800 đồng (về đất 29.895.000 đồng; cây trồng, hoa màu 4.000.000 đồng; các chính sách hỗ trợ là 66.183.800 đồng).

Ngày 25/01/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CT ban hành Quyết định số 64/QĐ-UBND, về việc điều chỉnh phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Hộ ông Nguyễn Thanh N được điều chỉnh tăng số tiền hỗ trợ đất nông nghiệp, thửa đất có vườn ao từ 17.983.800 đồng lên 22.593.240 đồng. Tổng cộng số tiền hộ ông Nguyễn Thanh N được bồi thường, hỗ trợ là 104.688.240 đồng.

Ông Nguyễn Thanh N khiếu nại yêu cầu áp giá bồi thường đối với đất ở với giá 1.600.000đ/m$^2$, chứ không đồng ý giá 240.000đ/m$^2$ như Ủy ban nhân dân huyện CT đã áp giá.

Ngày 19/02/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành ban hành Quyết định số 01/QĐKN-UBND về việc giải quyết khiếu nại của hộ ông Nguyễn Thanh N, với nội dung chính là bác đơn yêu cầu của hộ ông Nguyễn Thanh N.

Ngày 31/7/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CT ban hành Quyết định số 04/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 01/QĐKN-UBND ngày 19/02/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CT, với lý do: Quyết định không đúng trình tự thủ tục theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Ngày 13/10/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CT ban hành Quyết định số 05/QĐKN-UBND về việc giải quyết khiếu nại của hộ ông Nguyễn Thanh N, với nội dung chính là bác đơn yêu cầu của hộ ông Nguyễn Thanh N yêu cầu áp giá bồi thường đất thổ cư 1.600.000 đồng/m$^2$ và hỗ trợ 20% giá đất ở trung bình của khu vực đối với đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường, trong khu dân cư thị trấn.

Ngày 14/01/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CT ban hành Quyết định số 02/QĐKN-CTUBNT về việc hủy bỏ Quyết định số 05/QĐKN- UBND ngày 13/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CT, với lý do: Quyết định số 05/QĐKN-UBND, ngày 13/10/2014 của Ủy ban nhân dân huyện CT chưa đảm bảo về thể thức, nội dung và việc viện dẫn các căn cứ pháp lý chưa phù hợp.

Cùng ngày 14/01/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CT ban hành Quyết định số 04/QĐKN-CTUBND về việc giải quyết khiếu nại của hộ ông Nguyễn Thanh N, với nội dung chính là: Giữ nguyên Quyết định số 64/QĐ-

UBND, ngày 26/01/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CT về việc điều chỉnh phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; bác đơn yêu cầu của hộ ông Nguyễn Thanh N yêu cầu áp giá bồi thường đất thổ cư 1.600.000 đồng/$m^2$ và hỗ trợ 20% giá đất ở trung bình của khu vực đối với đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường, trong khu dân cư thị trấn.

Ông Nguyễn Thanh N khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ST yêu cầu bồi thường đất thổ cư theo đơn giá của tuyến đường A1 (tức 1.600.000đ/$m^2$).

Ngày 24/8/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ST ban hành Quyết định số 1936/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thanh N, với nội dung chính: Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 04/QĐKN-CTUBND, ngày 14/01/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CT về việc giải quyết đơn yêu cầu của ông Nguyễn Thanh N là đúng quy định của pháp luật; bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thanh N.

Ngày 20/9/2015, ông Nguyễn Thanh N khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án xem xét hủy Quyết định số 1936/QĐ-CTUBND, ngày 24/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ST, đề nghị xác định mức giá bồi thường đất thổ cư là 1.600.000 đồng/$m^2$. Với lý do: Trước khi chuyển nhượng phần đất nêu trên cho gia đình ông N, ông Lâm H có tiến hành thủ tục hợp thức hóa quyền sử dụng đất và cơ quan thuế xác định giá đất thổ cư để đóng lệ phí trước bạ là 1.600.000đ/$m^2$.

***Tại bản án hành chính sơ thẩm số 08/2015/HCST ngày 25 tháng 11 năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:***

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm c Khoản 1 Điều 30; Điểm a Khoản 2 Điều 163 của Luật Tố tụng hành chính. Áp dụng Khoản 1 Điều 11 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Nguyễn Thanh N về việc hủy Quyết định số 1936/QĐ-UBND, ngày 24/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ST về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thanh N.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 7/12/2015 người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án số 08/2015/HC-ST ngày 25/11/2015 về việc khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai.

*Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, của người khởi kiện, người bị kiện.*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về hình thức đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Xét nội dung đơn kháng cáo và đối chiếu với bản án sơ thẩm đã xét xử thì thấy:

Về đối tượng khởi kiện: Căn cứ Điều 28 Luật tố tụng hành chính và Nghị quyết 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Quyết 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật tố tụng hành chính thì Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 24/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ST là đối tượng khởi kiện.

Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 104 Luật tố tụng hành chính cấp sơ thẩm xác định còn thời hiệu khởi kiện.

Về nội dung: Xem xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 24/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ST về việc giải quyết khiếu nại của Nguyễn Thanh N.

Xét thấy: Phần đất của gia đình ông Nguyễn Thanh N bị thu hồi để thực hiện dự án Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện CT không có cạnh tiếp giáp với đường A1 mà cách một thửa đất của gia đình ông Lâm K (đã bị thu hồi trước đó để làm đường A1 nhưng chưa làm hết). Gia đình ông N sử dụng chung lối mòn nằm trên thửa đất của hộ ông Lâm H đi ngang qua thửa đất đã bị thu hồi của gia đình ông Lâm K để đi ra đường A1. Do đó, căn cứ vào khoản 4 Điều 4 Quy định về phân khu vực, vị trí đất làm căn cứ định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, được ban hành kèm theo Quyết định số 27/2010/QĐ-UBND, ngày 09/11/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh ST thì phần đất của gia đình ông Thanh N bị thu hồi được áp giá đường hẻm cấp 3 (hẻm có chiều rộng dưới 2m hoặc lối mòn), vị trí 1, hệ số 0,15 có giá 240.000đ/$m^2$ (1.600.000đ x 0,15 = 240.000đ). Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện CT áp giá bồi thường đất ở cho hộ ông Nguyễn Thanh N với giá 240.000đ/$m^2$ là có căn cứ, đúng quy định. Việc ông N khiếu nại đòi áp giá bồi thường 1.600.000đ/$m^2$ là không có căn cứ. Như vậy, Quyết định 1936/QĐ-UBND ngày 24/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ST về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thanh N, giữ nguyên Quyết định số 04/QĐKN-CTUBND ngày 14/01/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CT là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về Thẩm quyền ban hành: Căn cứ Điều 21, Điều 38, Điều 39 và Điều 40 của Luật khiếu nại thì việc ban hành Quyết định 1936/QĐ-UBND ngày 24/8/2015 là đúng quy định của pháp luật nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh N là đúng quy định pháp luật.

Xét thấy, cấp sơ thẩm xét xử phù hợp theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa hôm nay phía người khởi kiện, kháng cáo với lý do hộ ông Lâm H có tiến hành thủ tục hợp thức hóa quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên và cơ quan thuế huyện CT áp giá 1.600.000đ/$m^2$ nên phải bồi thường cho gia đình ông 1.600.000đ/$m^2$, về yêu cầu này của ông đã được cấp sơ thẩm không chấp nhận vì cũng giống như trong quyết định giải quyết khiếu nại có nêu đó là có sự sai sót của cơ quan thuế và đã yêu cầu cơ quan này xử lý theo quy định số tiền chênh lệch này. Vì vậy, lý do ông nêu ra không có căn cứ để chấp nhận, nên cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát cấp cao đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của người khởi kiện, giữ y bản án sơ thẩm phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Do ông Nguyễn Thanh N là thương ninh nên được miễn nộp toàm bộ tiền án phí theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo ông Nguyễn Thanh N.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2015/HC-ST ngày 25/11/2015 của Tòa án nhân tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 2 Điều 163 Luật tố tụng hành chính

Áp dụng khoản 1 Điều 11 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa Án

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh N về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 24/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ST về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thanh N.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh N không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận***:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Đương sự;
- Lưu HS, Vp, (Án HTKN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phan Văn Yên**